

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **484/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-5-2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 945/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại P, sinh ngày 16/7/1989 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: 18/3 Huỳnh Tấn Phát, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: B8/150, Ấp 12, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần Đại P trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hồng T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là

do quan điểm sống không phù hợp, khác biệt về tính cách và lối sống. Ông đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T, vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Hồng T.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Hồng T không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án. Ông đã có bản tự khai gửi Tòa án. Ông nộp Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn bà Lê Thị Hồng T tại địa chỉ B8/150, Ấp 12, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an xã Tân Nhựt thì bà Lê Thị Hồng T có thực tế cư trú tại địa chỉ B8/150, Ấp 12, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết tại địa chỉ cư trú của bà Lê Thị Hồng T. Tuy nhiên bà T vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Đại P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tố tụng, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Đại P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Đại P khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với bà Lê Thị Hồng T và bà T có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Trần Đại P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng T đã được Tòa án triệu hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Lê Thị Hồng T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, bà Lê Thị Hồng T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ thu thập được để xem xét giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đại P và bà Lê Thị Hồng T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đại P xác nhận không còn tình cảm với bà Lê Thị Hồng T, cả hai vợ chồng không còn chung sống với nhau và đã sống ly thân gần hai năm nay. Do đó, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Lê Thị Hồng T đến Tòa làm việc nhưng bà Lê Thị Hồng T đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng và tiến hành thông báo tại địa chỉ cư trú nhưng bà Lê Thị Hồng T vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà Lê Thị Hồng T cũng không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông Trần Đại P. Xét, ông Trần Đại P khai vợ chồng mâu thuẫn với nhau và không còn chung sống với nhau là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Đại P.

[2.3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Đại P xác nhận không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại P là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Ông Trần Đại P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đại P được ly hôn với bà Lê Thị Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Đại P chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0051255 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Đại P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đại P và bà Lê Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND Phường T, Quận A, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Thu